

**Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa****Tập 85****Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không****Thời gian: Ngày 5 tháng 04 năm 2010****Địa điểm: Hương Cảng Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội****Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa****Giáo chánh: Huệ Trang và Đức Phong**

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang chín mươi bốn, dòng thứ tư, xem từ câu thứ hai:

*“Tại bốn kinh trung, thử xứ Phật tự, tức chỉ đại ân từ phụ, Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật”* (trong kinh này, chữ Phật ở đây chỉ đức đại ân từ phụ Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật). Ngày hôm nay có các đồng học mới đến tham dự, duyên phận thù thắng khôn sánh, do vậy, ở đây, tôi phải giới thiệu Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật. Trong phần trước, đã giới thiệu ý nghĩa bao hàm trong một chữ Phật này. Đối với sáu thứ thành tựu được nói trong kinh này: *“Như thị ngã văn, nhất thời Phật tại Vương Xá thành”* (ta nghe như thế này, một thời, đức Phật ngự tại thành Vương Xá), *“Phật”* là Thích Ca Mâu Ni Phật, Ngài là Thuyết Pháp Chủ trong hội này. Nói theo cách bây giờ, trong khóa giảng này, Ngài là “chủ giảng”; do vậy, vị này vô cùng quan trọng. *“Đại ân từ phụ”* là [từ ngữ do] người đời sau tán thán ân đức thầy. Nếu chẳng có Phật Thích Ca giáo huấn, có thể nói chúng ta chắc chắn phải trải qua bao kiếp dài lâu, thời gian rất dài, dùng kiếp làm đơn vị, luân hồi trong lục đạo! Luân hồi trong lục đạo chắc chắn là khổ chẳng thể nói nổi. Phải biết lục đạo là sự thật, chúng tôi giới thiệu Bốn Sư bèn bàn tới [chuyện này]. Người học đạo trước hết phải nhận biết Thích Ca Mâu Ni Phật. Nếu quý vị chẳng nhận biết Ngài, sẽ đi theo rất nhiều đường vòng. Nếu quý vị nhận biết Ngài, sẽ đỡ phải đi theo rất nhiều đường vòng, thật sự đạt được lợi ích từ sự giáo dục của Phật Đà. Do vậy, chúng ta gọi Phật Đà là Thích Ca Mâu Ni Phật, Phật Đà là danh xưng học vị trong nền giáo dục của đức Phật. Chúng tôi nói theo cách bây giờ là “học vị” cho mọi người dễ hiểu. Giống như trong hiện thời, nhà trường có ba loại học vị, cao nhất là Tiến Sĩ, kế đó là Thạc Sĩ, kém hơn nữa là Học Sĩ. Trong giáo dục nhà Phật cũng có ba học vị, cao nhất gọi là Phật Đà, tương đương Tiến Sĩ, thứ hai là Bồ Tát, tương đương Thạc Sĩ, thứ ba là A La Hán, tương đương Học Sĩ (Cử Nhân). Do vậy, chư vị nhất định phải biết: Phật, Bồ Tát, La Hán là người, chẳng phải là thần, mà cũng không phải là tiên, đây là những danh xưng rất thông thường, nhất định phải hiểu điều này!

Phật là thầy, Bồ Tát và A La Hán đều là học trò, đều là học trò của thầy, bất quá, họ đã đạt được học vị. Nay chúng ta học Phật vẫn chưa đạt được học vị; tuy chưa đạt được học vị, nhưng quan hệ giữa chúng ta và họ (Bồ Tát, A La Hán) là bạn học lớp trước và lớp sau. Vì thế, Bồ Tát là bạn học lớp đàn anh của chúng ta, A La Hán cũng là bạn học lớp đàn anh. Hiểu rõ ràng, minh bạch quan hệ này, ở cùng một chỗ với các học trò đàn anh sẽ thuận tiện hơn, chứ ở cùng một chỗ với Phật ắt sẽ nghiêm túc, đối với thầy do tôn sư trọng đạo, nên ở trước Phật, chúng ta ắt sẽ cung kính, còn đối với Bồ Tát sẽ có thể thoải mái hơn một chút. Do vậy, phải hiểu rõ những danh xưng này, chớ nên mơ hồ. Danh tự Thích Ca Mâu Ni Phật cũng là biểu thị pháp; do vậy, thật ra, [danh xưng] Phật Đà giống như danh xưng “thánh nhân” tại Trung Quốc. Người Trung Quốc nói “thánh nhân, hiền nhân, quân tử”. Quý vị thấy trong truyền thống văn hóa Trung Quốc cũng có ba học vị, chúng ta gọi Không phụ tử là thánh nhân, học trò của Không Tử được gọi là hiền nhân. Thánh nhân tương đương với Phật Đà như người Ấn Độ đã nói, ý nghĩa vô cùng gần gũi. Quý vị thấy trong phần trước, chúng tôi đã nói Phật có nghĩa là giác ngộ, có trí huệ, đại triệt đại ngộ thì gọi là Phật. Thánh của Trung Quốc thì sao? Thánh là hiểu rõ cội gốc. Thánh nhân là gì? Người hiểu rõ. Đối với phàm phu chúng ta mà nói, chúng ta là kẻ hồ đồ, chẳng hiểu rõ. Người hiểu rõ, thông đạt đạo lý và sự tương vũ trụ, nhân sinh, người như vậy được gọi là thánh nhân. Học theo thánh nhân, nhưng chưa đạt tới tiêu chuẩn thánh nhân thì gọi là hiền nhân. Học trò của Không Tử được gọi là hiền nhân, hiền nhân tương đương với Bồ Tát trong Phật pháp. Hiện thời, tuy nói Phật giáo rất hưng thịnh, mọi người quý vị nói Phật giáo rất hưng thịnh, nhưng tôi nói: Theo cái nhìn của tôi, Phật pháp hiện thời suy vi đến cùng cực, vì sao? Mọi người mê tín, sùng bái Phật, Bồ Tát, A La Hán như thần tiên. Các Ngài chẳng dính líu gì đến thần tiên, thần tiên vẫn là phàm phu, chẳng khác chúng ta cho mấy! Rất nhiều thần tiên cũng học Phật, hễ học Phật thì là đồng học với chúng ta, họ chưa chứng A La Hán; vì thế, họ chẳng phải là A La Hán, mà cũng chẳng phải là Bồ Tát, phải hiểu rõ ràng, minh bạch điều này!

Chúng ta nói danh hiệu của Phật là tông chỉ giáo học của Ngài trong thế gian này. Ở nơi này, Ngài dạy điều gì? Danh hiệu chính là điều Ngài dạy. Quý vị nói Phật giáo dạy điều gì? Thích Ca Mâu Ni. Thích Ca (Śākya) nghĩa là gì? Nghĩa là nhân từ, [danh hiệu Thích Ca Mâu Ni] dịch ra là Năng Nhân, Ngài có lòng nhân từ. Trên thực tế, trong sự đối đãi của chúng ta trong xã hội hiện thời, chúng sanh trong xã hội thiếu khuyết lòng nhân từ, thiếu lòng yêu thương. Không chỉ chẳng yêu thương người khác, ngay cả chính mình cũng chẳng yêu thương! Vì thế, yêu thương người khác chẳng dễ dàng, phải yêu thương chính

mình thì mới có thể yêu thương người khác. Ngay đối với chính mình mà cũng chẳng yêu thương thì làm sao yêu thương người khác? Vì thế, đức Phật giáo học trên thế gian này nhằm dạy điều gì? Dạy nhân từ. Thích Ca nghĩa là nhân từ, dạy dỗ chúng ta đối đãi người khác phải có lòng yêu thương, phải có tâm từ bi, đại từ đại bi đối đãi hết thảy chúng sanh, Ngài dạy điều này. Đây là nội dung giáo học của Phật pháp. Đối với chính mình thì sao? Đối với chính mình là Mâu Ni. Những từ ngữ này đều là tiếng Ấn Độ, tức tiếng Ấn Độ thời cổ, Mâu Ni (Muni) nghĩa là gì? Từ “thanh tịnh, bình đẳng, giác” trong tựa đề kinh này, Mâu Ni là tịch tĩnh, tôi dùng năm chữ trong tựa đề kinh này để giảng [từ ngữ Mâu Ni], quý vị sẽ thấy rất dễ hiểu. Mâu Ni là tâm địa thanh tịnh, bình đẳng, giác chứ không mê; đây là ý nghĩa của Mâu Ni, quý vị thấy danh hiệu này thật hay. Thích Ca Mâu Ni Phật dạy chúng ta điều gì? Dạy bản thân chúng ta phải thanh tịnh, bình đẳng, giác, dạy chúng ta phải đại từ đại bi đối đãi hết thảy chúng sanh, đây là sự giáo dục của Phật Đà, dạy điều gì? Dạy những điều ấy! Vì thế, tông chỉ giáo học được nêu bày trong danh hiệu; đây chẳng phải là tên vốn sẵn có của Ngài, cái tên ngoài đời của Ngài là Tất Đạt Đa (Siddhārtha).

Do vậy, danh hiệu của Phật, Bồ Tát đều là tông chỉ giáo học và các môn học của các Ngài. Quý vị nhìn vào danh hiệu bèn biết Ngài dạy khóa trình nào, danh hiệu chính là tông khóa trình; tức là trong những điều được dạy bởi Phật pháp, có vô lượng vô biên khoa mục, nhưng [những khoa mục ấy] đều chẳng rời khỏi tông chỉ này, khẳng định môn nào cũng đều tương ứng với “thanh tịnh, bình đẳng, giác, đại từ, đại bi”. Hễ rời khỏi những điều ấy sẽ chẳng phải là Phật giáo, đức Phật chẳng dạy quý vị như vậy! Vì thế, quý vị thấy: Do chúng ta không nhận biết Phật, hiểu lệch lạc, nên nay chúng ta đến chùa cầu xin Phật, Bồ Tát hòng thăng quan phát tài, cầu Phật, Bồ Tát phù hộ, đó là mê tín, điên đảo! Thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế chẳng có chuyện ấy. Thuở lão nhân gia tại thế, chiếu theo lịch sử Trung Quốc ghi chép, sau khi đức Phật diệt độ, từ khi Phật nhập diệt đến nay, theo như lịch sử Trung Quốc ghi chép là ba ngàn không trăm ba mươi bảy năm. Theo lịch sử Trung Quốc ghi chép, đức Phật giáng sanh vào năm thứ hai mươi bốn đời Châu Chiêu Vương, nhập diệt vào năm thứ năm mươi ba đời Châu Mục Vương, người Hoa nói đức Phật có thọ mạng là tám mươi năm, người ngoại quốc nói theo tuổi thật sự, [nên nói] đức Phật thọ bảy mươi chín tuổi. Đúng là bảy mươi chín tuổi vì người Trung Quốc dùng hư tuế (tuổi ta), [nên nói đức] Phật khuất bóng khi Ngài tám mươi tuổi. Chúng ta đọc kinh điển thấy Ngài xuất thân là vương tử, cha Ngài là quốc vương nước Ca Tỳ La Vệ (Kapilavatsu) thuở ấy. Nước Ca Tỳ La Vệ hiện thời là Ni Bạc Nhĩ (Nepal), ở phía Nam núi Hy Mã Lạp Nhã (Himalaya), nước ấy chẳng lớn, là

một tiểu quốc. Vì trong thuở ấy, [Ấn Độ] giống như Trung Quốc vào thời nhà Châu. Dưới triều Châu, [Trung Quốc] chưa thống nhất, cho nên gọi là [thời kỳ] chư hầu, nước ấy là một nước chư hầu. Cũng có thể nói thông tục, [quốc vương Ca Tỳ La Vệ] là tù trưởng một bộ lạc, gọi như vậy cho mọi người dễ hiểu hơn, [vua Tịnh Phạn] là quốc vương một tiểu quốc, là người đứng đầu một bộ lạc. Vì vậy, đức Phật xuất thân là vương tử, bản thân Ngài là quý tộc, tuổi trẻ, hiếu học. Quý vị thấy Ngài có thân phận như vậy, tuổi trẻ, hiếu học. Từ nhỏ, Ngài có tâm địa vô cùng từ bi, thấy những chúng sanh khổ nạn, bèn sanh lòng thương xót, làm thế nào để giúp họ có thể sống cuộc đời hạnh phúc mỹ mãn? Trông thấy sanh, lão, bệnh, tử, Ngài dấy lên ý niệm xuất thế. Do thuở đó, tại Ấn Độ có rất nhiều tôn giáo, Ngài rất ngưỡng mộ cuộc sống của những người tu hành theo tôn giáo. Vì thế, năm mười chín tuổi, Ngài rời khỏi gia đình, Phật môn chúng ta nói là “đi tham học”, hoặc cũng nói là “tìm thầy, hỏi đạo”.

Thời đại của đức Phật sớm hơn Khổng Tử một chút. Tại Ấn Độ, quả thật [thời đại ấy] là thời đại văn hóa hoàng kim. Trong mỗi tôn giáo, Ấn Độ cũng là một quốc gia tôn giáo và triết học, những tôn giáo và các học phái có một điểm rất đặc thù mà người Trung Quốc không có, đó là tu Thiền Định. Quý vị phải biết Tứ Thiên, Bát Định được nói trong kinh Phật chẳng phải là Phật giáo. Tứ Thiên, Bát Định là Bà La Môn giáo, cũng là Hưng Đô giáo (Hinduism) hiện thời, cũng có người gọi Bà La Môn giáo là Ấn Độ giáo. Lầu ba ở phía dưới chúng ta là Ấn Độ giáo. Đối với lịch sử của bọn họ, do tôi có qua lại với họ, những trưởng lão của họ bảo tôi: Tôn giáo của họ phải có lịch sử lâu hơn một vạn năm. Tôi tin tưởng điều đó, Ấn Độ giáo không coi trọng lịch sử, mà chú trọng tu hành. Vì sao không coi trọng lịch sử? Thời gian và không gian là giả, chẳng thật! Đã chẳng thật, có gì cứ phải chấp trước nó? Đó là lý do vì sao họ không xem trọng lịch sử, mà coi trọng Thiền Định. Người đang trong Thiền Định có thể đột phá các chiều không gian, khoa học gia biết điều này. Các khoa học gia cận đại đã thật sự chứng thực có những chiều không gian khác nhau trong thế gian này. Nói theo lý luận, các chiều không gian khác nhau không có ngăn mé, chẳng biết có bao nhiêu [chiều không gian khác nhau]. Khoa học gia đã thật sự chứng minh, mọi người thừa nhận chứng minh ấy là xác thực, tôi thiếu có mười một chiều không gian khác nhau. Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ bảo chúng tôi chuyện này, cụ học khoa học, học vô tuyến điện, trong đại học dạy những khoa mục ấy, Ngài cho tôi biết một số kiến thức thuộc về phương diện khoa học tương ứng với Phật pháp.

Chúng tôi học Phật đã nhiều năm như thế, thấu hiểu ít nhiều về vấn đề chiều không gian, chiều không gian do đâu mà có? Do phân biệt, chấp trước mà có. Chư vị hãy nghĩ xem, mỗi cá nhân chúng ta có bao nhiêu phân biệt, chấp trước? Khởi tâm động niệm đều là phân biệt, chấp trước, nên tạo thành các không gian có chiều khác nhau. Huống chi trên thế giới này, người lại đông ngàn ấy, mỗi cá nhân đều khởi tâm động niệm, cho nên chiều không gian cũng rất phức tạp, đúng là chẳng có cách nào [để nhận biết], chẳng có số lượng, nhưng trong Thiên Định có thể đột phá. Tứ Thiên, Bát Định tổng cộng gồm tám cấp bậc Thiên Định. Nếu quý vị tu các món Thiên Định ấy, sẽ đúng như cổ nhân đã nói: “*Ông tu ông đắc, bà tu bà đắc, chẳng tu chẳng đắc*”. Nếu quý vị tu, đạt được [các món Thiên ấy], sẽ thấy lục đạo, người khác tu cũng trông thấy, ta tu ta cũng thấy, mọi người chúng ta cùng nhau thảo luận, điều anh thấy và những điều tôi thấy đều giống nhau, chứng minh chúng chẳng phải là giả, mà là thật. Đẳng cấp Thiên Định của quý vị càng cao, quý vị thấy không gian càng lớn. Tứ Thiên gồm mười tám tầng trời, lên cao hơn còn có Tứ Không Thiên, Tứ Không Thiên chẳng có thân thể. Tứ Thiên có thân thể, có cung điện, có nơi cư trụ, Tứ Không Thiên không có, phàm nhân chúng ta thường gọi Tứ Không Thiên là “linh giới”, họ có linh hồn, nhưng không có nhục thể. Vì sao không có nhục thể? Họ chẳng cần nhục thể, nhục thể phiền phức quá, không cần đến nhục thể sẽ tự tại lắm! Nói thật ra, vào thuở xưa, khi Phật pháp chưa truyền đến Trung Quốc, người Trung Quốc đã có tư tưởng ấy. Lão Tử có nói một câu như sau: “*Ngô hữu đại hoạn, vị ngô hữu thân*” (Ta có mối họa hoạn lớn vì ta có thân), Ngài nói: “Mối lo âu lớn nhất của ta là gì? Ta có thân, thân thể là có, không có thân thể sẽ tự tại lắm!” Không có thân thể chính là Tứ Không Thiên, thật sự có [cõi trời ấy]; vì thế, tôi gọi [chư thiên trong] Tứ Không Thiên là “phàm phu cao cấp”. Khi tôi giảng kinh dùng danh từ ấy, phàm phu cao cấp! Họ chẳng cần thân thể, không cần đến thân thể sẽ chẳng cần phải ăn cơm, cũng chẳng cần phải mặc quần áo, cũng chẳng cần phải có nhà để ở, quý vị thấy giảm bớt nhiều chuyện lắm! Đó là phàm phu cao cấp.

Chỉ cần có công phu định lực, đạt đến Sơ Thiên, tuy Sơ Thiên chẳng nhìn thấy các cõi cao hơn, nhưng họ có thể thấy những cõi thấp hơn, cõi thấp hơn là gì? Có thể thấy địa ngục. Địa ngục cũng vô cùng phức tạp, chỗ khổ nhất gọi là địa ngục Vô Gian (Avīci Niraja), người ấy đều có thể thấy. Vì thế, lục đạo chẳng phải là [một thuyết riêng biệt của một] tôn giáo nào, chẳng phải là suy nghĩ loạn xạ, mà thật sự có chuyện ấy. Chúng ta hiểu rõ lý luận Phật pháp, vì sao có lục đạo? Vì sao có thiên đường? Thiên đường cũng chẳng đơn thuần như trong tôn giáo đã nói, có rất nhiều loại thiên đường, thiên đường rất phức tạp.

Hơn nữa, trời còn có hai mươi tám tầng bậc cao thấp khác nhau. Những điều này do cô Bà La Môn phát hiện, cũng có thể nói là từ một vạn năm trước khi Phật Thích Ca xuất thế, người ta đã hiểu rõ ràng, rành rẽ, nhưng vì sao có thiên đường và địa ngục? Trong Định, họ (các tu sĩ Bà La Môn) có thể thấy những chuyện ấy, do nguyên nhân gì có những chuyện ấy, chẳng ai có thể giải đáp. Do nguyên nhân nào mà có lục đạo? Lục đạo có từ lúc nào? Chẳng ai biết! Lục đạo còn có lúc kết thúc hay chẳng? Cũng chẳng ai biết! Ngoài lục đạo còn có thế giới [nào khác] hay không? Những câu hỏi ấy đều chẳng có ai giải đáp. Chúng ta hãy suy nghĩ: Phật Thích Ca là một người trẻ tuổi, hiếu học, thuở ấy Ngài tham học, tiếp xúc tất cả các tôn giáo tại Ấn Độ. Ngài cũng tiếp xúc tất cả các học phái, cũng đã từng học với họ suốt mười hai năm, từ năm mười chín tuổi học đến lúc ba mươi tuổi, tức là mười hai năm. Nói chung, những gì có thể tiếp xúc, Ngài đều tiếp xúc toàn bộ, những vấn đề ấy có được giải quyết hay không? Chẳng giải quyết! Chúng ta hãy so sánh, thuở trẻ chúng tôi cũng giống như vậy, chuyện gì đều muốn dò tìm tận kẽ đến nơi đến chốn, chưa tìm đến nơi sẽ chẳng cam lòng; nhưng có những vấn đề giống như mấy vấn đề chúng tôi vừa nêu trên đây, chẳng thể giải đáp. Vì không học được từ chỗ nào, đức Phật buông những điều đã tham học trong suốt mười hai năm xuống, ở dưới cội cây Tát Bát La (Pippala) bên sông Hằng, nhập Định dưới cây to ấy, nhập Thiên Định càng sâu hơn. Quý vị thấy Thiên Định thông thường là tám tầng lớp, Ngài nhập càng sâu hơn, Thiên Định càng sâu hơn Ngài bèn giác ngộ. Sau khi xuất Định, đại triệt đại ngộ, đó là “minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật”. Những vấn đề ấy hoàn toàn được giải đáp, biết lục đạo hình thành như thế nào, biết vũ trụ hình thành ra sao, hiểu rõ ràng, rành rẽ.

Chúng ta có thể tin tưởng những điều đức Phật đã nói hay chẳng? Có thể chứ! Vì sao? Ngài nhập đến tầng lớp ấy, thấy toàn thể vũ trụ, sự phát sanh và nguyên khởi của vũ trụ, nguyên khởi của sanh mạng, ta do đâu mà có, đều thấy rõ ràng, rành rẽ. Trong các môn đệ của Phật, cũng có những vị nhập Định đến tầng lớp ấy cũng trông thấy, mọi người thấy giống như nhau, chẳng giả! Căn bệnh của chúng ta là đa nghi, lắm nỗi hoài nghi. Quý vị thấy, tôi vẫn chưa thấy, nhưng thấy mọi người nói giống hết nhau, chúng ta có lý do để tin tưởng. Không ngờ ba ngàn năm sau, trong hiện tại, các nhà khoa học nghiên cứu khoa học theo hai phương hướng: Một là thế giới vĩ mô (macrocosm), chuyên nghiên cứu đại vũ trụ. Hai là đi theo hướng ngược lại, tức thế giới vi mô (micorcosm), thế giới vi mô là Lượng Tử Lực Học, nghiên cứu nguyên khởi của vật chất. Quý vị thấy: Nói thông thường thì chúng ta nói một tế bào, lại phân tích tế bào liên biến thành phân tử. Lại phân tích phân tử, phân tử do đâu mà có? Do

nguyên tử hợp thành. Nguyên tử do các điện tử (electron) và hạt nhân nguyên tử (atomic nucleus) hợp thành. Lại phân tích nguyên tử sẽ là các hạt cơ bản (elementary particles), hiện thời lại phân tích các hạt cơ bản thành khoa khắc (quark, hạt vi lượng), hiện thời lại phân tích hạt vi lượng thành lượng tử (quantum), lượng tử còn gọi là tiểu quang tử (photon), chẳng biết trong tương lai còn có thể chia nhỏ hơn nữa hay không. Hiện thời là mới phân tích đến đây thì ngừng, chưa thể chia nhỏ hơn nữa. Phát hiện chuyện gì? Phát hiện hiện tượng vật chất vốn là một huyễn tướng do những tiểu quang tử ấy liên tục tích lũy sanh khởi. Vì thế, ở đây, các nhà lượng tử lực học cho chúng ta biết: Trong vũ trụ chỉ có ba thứ, những thứ gì khác đều không có, ba thứ ấy là năng lượng, vật chất, và thông tin.

Quý vị thấy từ ba ngàn năm trước, từ trong Định, đức Phật đã phát hiện, Ngài trông thấy, tài giỏi hơn các nhà khoa học. Các nhà khoa học trước hết từ Toán Học mà tìm ra lý luận này, sau đây mới dùng các dụng cụ để quan sát, thấy gì? Vật chất xuất hiện như thế nào? Vật chất từ trong Không sanh ra Có. Tốc độ của nó lại quá nhanh, trong khoảng sát-na bèn chẳng còn, từ lúc sanh khởi đến khi tiêu diệt gần như đồng thời, tốc độ quá nhanh, nhanh đến nỗi chúng ta không có cách gì tưởng tượng. Trong kinh điển, Thích Ca Mâu Ni Phật hỏi Di Lặc Bồ Tát, cũng có thể coi Di Lặc Bồ Tát giống như một vị giáo sư chuyên dốc sức nơi Tâm Lý Học trong nhà trường hiện thời, chúng ta gọi Ngài là nhà tâm lý học trong Phật môn. Đức Phật hỏi Bồ Tát, cuộc hỏi đáp ấy thật ra nhằm chỉ bảo chúng ta. Đức Phật hỏi Ngài, người thế gian bình phàm chúng ta dấy lên một niệm, “*tâm hữu sở niệm*” (tâm có bao nhiêu niệm), [nghĩa là] dấy lên một niệm thì niệm ấy rất thô, phân tích ra sẽ có bao nhiêu tế niệm? Trong tế niệm có bao nhiêu hiện tượng vật chất? Có bao nhiêu hiện tượng tinh thần? Đức Phật hỏi một vấn đề như vậy. Di Lặc Bồ Tát trả lời: Trong một khảy ngón tay, quý vị thấy thời gian của một cái khảy ngón tay rất ngắn. “*Trong một cái khảy ngón tay có ba mươi hai ức trăm ngàn niệm*”. Trong một giây, tôi có thể khảy khoảng chừng bốn lần, tôi tin có người khảy nhanh hơn tôi, nếu là năm lần thì trong một giây có bao nhiêu niệm, tức [bao nhiêu] tế niệm? Nói theo cách giảng của Di Lặc Bồ Tát sẽ là một ngàn sáu trăm triệu. Quý vị thấy trong một giây có một ngàn sáu trăm triệu niệm, tức tế niệm, đơn vị là một triệu. Đây cũng là sự sanh diệt của các hiện tượng vật chất như các nhà khoa học đã thấy trong hiện tại, thời gian ấy là bao lâu? Là một phần trong một ngàn sáu trăm triệu phần của một giây, tức là trong một giây có một ngàn sáu trăm triệu lần sanh diệt. Quý vị làm sao có thể nắm bắt được? Do vậy, họ phát hiện hiện tượng vật chất chẳng phải là thật.

Vật chất sanh khởi như thế nào? Vật chất là ý thức, là niệm, niệm là tinh thần, hiện tượng tinh thần tích lũy liên tục biến thành vật chất. Vì thế nói: Trong vũ trụ chỉ có ba thứ hiện tượng tồn tại; kinh Đại Thừa gọi ba thứ hiện tượng ấy là [ba tế tướng của] A Lại Da, A Lại Da mới là Tạo Vật Chủ (Tạo Hóa), y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới đều do nó tạo ra. Khoa học gia gọi nghiệp tướng của A Lại Da là năng lượng, cảnh giới tướng của A Lại Da được các nhà khoa học gọi là vật chất, chuyển tướng của A Lại Da, chuyển tướng là chuyển biến, được khoa học gọi là thông tin. Ba tế tướng của A Lại Da rất tuyệt. Bất quá, trong kinh đức Thế Tôn gọi thông tin là thức thứ sáu, tức Ý Thức, Ý Thức là phân biệt, chuyên chú trọng phân biệt. Nó có năng lực phân biệt vô cùng mạnh mẽ, đối với bên ngoài nó có thể duyên tới hư không pháp giới, đối với bên trong nó có thể duyên đến A Lại Da, nhưng chẳng thể kiến tánh, vì sao? Vì nó có phân biệt, chấp trước. Như thế nào thì mới có thể kiến tánh? Buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống sẽ kiến tánh, sẽ thành Phật. Vì thế, tuy nó (A Lại Da) có năng lực ấy, các khoa học gia có năng lực ấy, họ vẫn là phàm phu, chẳng thể chứng quả A La Hán, mà cũng chẳng phải là Bồ Tát. Phải như thế nào mới chứng đắc Phật, Bồ Tát, A La Hán? Phải buông xuống. Khoa học gia chẳng buông xuống. Hễ buông chấp trước xuống bên chứng quả A La Hán, buông phân biệt xuống bên chứng Bồ Tát, buông khởi tâm động niệm xuống sẽ là Phật Đà. Do vậy, Phật, Bồ Tát, A La Hán là ai? Là chính quý vị, chỉ cần quý vị chịu buông xuống là được! Trong giáo pháp Đại Thừa thường nói: *“Hết thấy chúng sanh vốn là Phật”*, đúng vậy, chẳng giả, chẳng sai tí nào! Vì thế, chúng ta phải nhận biết Phật, hiểu rõ ràng, minh bạch.

Rốt cuộc, Phật pháp giảng những gì? Chúng ta dùng danh hiệu để giảng [thì Phật pháp] giảng về Thích Ca và Mâu Ni, điều này chẳng sai, nhưng rất mơ hồ. Con người hiện thời mong quý vị nói cụ thể hơn một chút có được hay không? Thích Ca Mâu Ni Phật giảng những gì trong bốn mươi chín năm? Nói theo cách hiện thời, những điều Phật đã giảng trong bốn mươi chín năm đều ở trong kinh điển, kinh điển giảng những gì? Giảng luân lý. Luân lý là gì? Nói về các mối quan hệ của con người, [tức là] quan hệ giữa con người với nhau, quan hệ giữa người và động vật, người và thực vật, người và khoáng vật, quan hệ với núi, sông, đại địa, quan hệ giữa con người và hiện tượng tự nhiên. Quan hệ với hiện tượng tự nhiên là quan hệ với vũ trụ; lại còn có quan hệ giữa con người và các chiều không gian khác nhau. Những mối quan hệ ấy đều thuộc về luân lý, phạm vi rộng hơn luân lý được giảng trong học thuật truyền thống Trung Quốc rất nhiều! Luân lý trong truyền thống Trung Quốc tôi đã chỉ giảng quan hệ giữa con người với nhau và quan hệ giữa người với động vật: *“Phàm thị nhân, giai*



*tu ái. Ái ốc cập điểu*” (phàm là người đều phải yêu. Yêu nhà, yêu lây cả chim). Ta yêu mến căn nhà của ta, trên mái nhà có chim làm tổ, ta cũng yêu mến chúng. Quý vị yêu thương những động vật ấy, quan hệ luân lý Trung Quốc chỉ giảng tới đây. Quan hệ luân lý trong nhà Phật nói thật viên mãn, ngay cả các chiều không gian khác nhau trong vũ trụ cũng được bao gồm trong ấy. “*Chiều không gian bất đồng*” là nói tới trời, đất, quỷ thần. Trời đất, quỷ thần là chúng sanh giống như chúng ta, họ cũng mê, chẳng giác, phước báo khác nhau, nhưng họ là phàm phu, chẳng phải là thánh nhân. Đức Phật giảng đạo đức, nhân quả, lại thừa cùng quý vị, Ngài giảng triết học, khoa học, năm hạng mục ấy Ngài đều giảng đến rất ráo viên mãn, thật tuyệt diệu! Vì thế, khoa học được giảng trong kinh Phật đem so với khoa học hiện thời thì khoa học vẫn thua kinh Phật một khoảng cách lớn, triết học cũng giống như vậy.

Chúng ta sanh nhằm thời đại này chẳng may mắn lắm, vì sao? Trong thời đại này, chẳng có người chân chánh học Phật. Vào thời xưa, một trăm năm trước, trong thế kỷ trước, những vị đại đức trong Phật môn, bất luận tại gia hay xuất gia, đều có thể giảng giải đạo lý. Hiện thời không có, người tại gia giảng không được, mà người xuất gia cũng chẳng giảng được! Chúng ta học hành trong nhà trường đã bị hướng dẫn sai lầm, giáo viên trong nhà trường bảo chúng ta “tôn giáo là mê tín, Phật giáo càng là mê tín”, tôi đã học khái niệm này từ nhỏ trong nhà trường. Vì sao Phật giáo càng là mê tín? Tôn giáo cao cấp chỉ thờ một vị thần, trong vũ trụ chỉ có một vị chân thần (chúa thật), còn Phật giáo [thần thánh] gì cũng lạy. Gì cũng lạy thì là đa thần giáo, phiếm thần giáo (Pantheism). Đa thần giáo và phiếm thần giáo là tôn giáo cấp thấp trong các loại tôn giáo. Từ nhỏ, chúng tôi tiếp nhận sự giáo dục, quan niệm như vậy, cho nên khi lớn khôn, chẳng tiếp xúc tôn giáo, [cho là] mê tín. Thấy người khác thấp hương, [cười nhạo kẻ ấy] mê tín, ở bên cạnh cười chê kẻ ấy. Chúng tôi sống trong hoàn cảnh như thế. Nếu tôi chẳng gặp tiên sinh Phương Đông Mỹ, suốt đời này trọn chẳng có duyên với tôn giáo! Tôi theo thầy Phương học triết học, ảnh chụp ở bên kia là ảnh thầy Phương. Tôi theo thầy học triết học, thầy giảng cho tôi một bộ triết học khái luận, tôi vô cùng cảm kích thầy. Trong phần cuối cùng, thầy giảng về triết học trong kinh Phật. Khi ấy, tôi vô cùng kinh ngạc, nói: “Thưa thầy! Phật giáo là tôn giáo, là mê tín, lại còn là phiếm thần giáo, là tôn giáo cấp thấp, làm sao nó có triết học cho được?” Thuở ấy, tôi hai mươi sáu tuổi, thầy gần như cùng lứa tuổi với cha tôi, thầy phải lớn hơn tôi hai mươi mấy tuổi. Thầy bảo tôi: “*Anh trẻ tuổi, không hiểu, chúng ta học triết học, Thích Ca Mâu Ni Phật là triết gia vĩ đại nhất trên thế giới*”. Tôi chưa hề nghe

ai nói điều ấy, chưa hề có ai bảo tôi, Thích Ca Mâu Ni Phật là triết gia, tôi rất kinh ngạc.

Thầy nói: “*Triết học trong kinh Phật là đỉnh cao nhất trong triết học trên toàn thế giới, học Phật là hưởng thụ cao nhất trong đời người*”. Tôi tiếp xúc Phật giáo do nghe buổi giảng ấy, thay đổi cách nhìn sai lầm trong quá khứ như vậy đó, biết trong Phật giáo có những điều tốt đẹp. Thầy lại đặc biệt dặn dò tôi: “*Thời cổ, trong Phật môn có những vị cao tăng đại đức thật sự là những vị đại học vấn, mà cũng là người có đạo tâm, có đạo đức, có học vấn*”. Thầy nói hiện thời chẳng có: “*Nếu bây giờ anh học triết học trong kinh Phật, học ở nơi nào? Trong kinh điển. Anh đến chùa miếu sẽ không thấy, nhưng trong chùa miếu có kinh điển, anh tìm trong kinh điển sẽ tìm được*”. Phương hướng này vô cùng trọng yếu! Nếu thầy không chỉ sẵn cho tôi chuyện này, tôi đến chùa miếu nhìn vào những người xuất gia, tôi cảm thấy họ vẫn làm chuyện mê tín, sẽ nảy sinh hoài nghi đối với lời thầy nói. Ngài an bài tốt đẹp con đường ấy cho tôi: “*Anh hãy đi công nơi kinh điển*”. Ưu điểm của chúng tôi là thật thà, nghe lời, thật sự làm. Từ lúc tiếp xúc thuở ấy cho đến nay là năm mươi chín năm, sang năm là một giáp, tức sáu mươi năm. Sáu mươi năm tu học, chúng tỏ lời thầy nói chẳng sai chút nào, lại còn nhận thấy trong kinh Phật không chỉ có triết học tối cao, mà còn có khoa học tối cao.

Lại nhìn ra thế giới hiện thời, triết học chẳng thể giải quyết vấn đề, khoa học chẳng thể giải quyết vấn đề, trong kinh Phật vốn đã có toàn bộ [giải pháp cho những vấn đề ấy]. Từ ba ngàn năm trước, Thích Ca Mâu Ni Phật đã giảng rõ ràng, thật phi phạm. Vì vậy, vào thập niên bảy mươi, tức là trong niên đại 1970, tiến sĩ Thang Ân Tử (A.J. Toynbee) của nước Anh đã nói một câu: “*Giải quyết vấn đề xã hội trong thế kỷ hai mươi mốt, chỉ có học thuyết Không Mạnh của Trung Quốc và Đại Thừa Phật pháp*”. Người Anh nói như vậy, ông ta là một triết gia và sử gia nổi tiếng trên thế giới. Tôi sang thăm Luân Đôn hai lần, mục tiêu là đến thăm ba trường đại học của Luân Đôn là Nguru Tân (Oxford), Kiếm Kiêu (Cambridge) và đại học Luân Đôn, ba trường này là trung tâm nghiên cứu Hán học của Âu Châu, là các trường có khoa Hán Học nổi tiếng trên thế giới. Tôi gặp những giáo sư và sinh viên nơi đó, tôi rất cảm động, họ đều là người phương Tây, nói toàn giọng Bắc Kinh đúng tiêu chuẩn, tôi chẳng bằng họ. Họ có thể đọc sách vở Trung Quốc, xem văn chương Văn Ngôn của Trung Quốc. Lại còn có một sinh viên kể với tôi anh ta dùng kinh Vô Lượng Thọ viết luận văn tiến sĩ. Tôi hỏi anh ta: “*Kinh Vô Lượng Thọ hiện thời có chín phiên bản, anh dùng loại nào?*” Anh ta dùng bản hội tập của cụ Hạ Liên Cư,

giống như bản chúng ta đang sử dụng, dùng bản ấy để viết luận văn tiến sĩ. Ngoài ra, có một đồng học khác, cũng là người ngoại quốc, dùng sách Mạnh Tử để viết luận văn. Còn có một người dùng tác phẩm của Vương Duy<sup>1</sup>, [Vương Duy] là một nhà văn học đời Đường, tôi thấy vậy rất vui vẻ.

Ở nơi ấy, tôi cũng giảng cho họ một buổi, tuy thời gian chẳng dài, nhưng rất khơi gợi hứng thú nơi họ. Các vị giáo sư và đồng học cùng ngồi nghe. Tôi lên bục giảng, trước hết, nêu câu hỏi. Tôi nói: “Ông Thang Ân Tử là người Anh giống như quý vị. Quý vị đều theo ngành Hán Học, đối với Nho, Thích, Đạo của Trung Quốc đều hiểu rất rõ ràng, đều đã dốc công sức nơi ấy”. Tôi nói:

- Ông Thang Ân Tử đã bảo: “*Để giải quyết vấn đề xã hội trong thế kỷ hai mươi mốt, chỉ có học thuyết Khổng Mạnh của Trung Quốc và Đại Thừa Phật pháp*”. Nay quý vị đều nghiên cứu những thứ ấy, quý vị hãy nghĩ xem có đúng hay không? Học thuyết Khổng Mạnh có thể [giải quyết] được hay không? Dùng được hay chẳng? Đại Thừa Phật pháp có thể [giải quyết] được không?

Tôi nêu ra câu hỏi ấy. Bọn họ nhìn tôi cười chẳng nói năng gì, tôi đợi mấy phút. Sau khi tôi đợi mấy phút mà chẳng có ai nói gì, tôi hỏi ngược lại: “Chẳng lẽ tiến sĩ Thang Ân Tử nói sai rồi ư?” Họ cũng không trả lời, nhìn tôi cười, không trả lời, rất lợi hại! Cuối cùng tôi bảo họ: “Lời ông Thang Ân Tử nói chẳng sai, nhưng rất nhiều người đọc rồi hiểu sai, hiểu lầm ý ông ta”. Tôi nói: “Tôi nêu ra câu hỏi này, tôi nói đến Nho, Thích, Đạo, chắc chắn quý vị lập tức liền nghĩ. Nói tới Nho, quý vị nghĩ đến Tứ Thư, Ngũ Kinh, mười ba kinh, đúng hay không?” Họ gật đầu. “Nói tới Phật, quý vị nhất định nghĩ tới Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Bát Nhã, những kinh điển Đại Thừa ấy. Nói đến Đạo, quý vị nghĩ đến Lão Trang”. Đúng vậy! Tôi nói:

- Đây là gì? Đây là hoa quả của Nho, Thích, Đạo. Đơm hoa, kết quả, rất đẹp đẽ, dễ coi, những thứ ấy có thể giải quyết vấn đề trong xã hội hiện thời hay không? Chẳng thể! Lời ông Thang Ân Tử nói chẳng sai, quý vị phải hiểu, giống như thực vật, hoa quả do đâu mà có? Từ thân cây mọc ra. Hoa quả mọc trên cành nhánh, cành nhánh mọc từ thân cây, thân cây mọc từ rễ, quý vị cứ suy xét ngược lại từng tầng một, đến cuối cùng, thứ gì quan trọng nhất? Rễ! Căn cội

---

<sup>1</sup> Vương Duy (701-761), tự Ma Cật, quê ở huyện Kỳ, tỉnh Sơn Tây. Ông là thi gia và họa gia nổi tiếng đời Đường, có ngoại hiệu là Thi Phật. Ông tinh thông Phật học, đặc biệt sùng mộ kinh Duy Ma Cật nên lấy hiệu là Ma Cật. Ông đỗ Tiến Sĩ năm Khai Nguyên thứ chín (721), làm quan đến chức Đại Nhạc Thừa. Phong cách vẽ tranh sơn thủy theo lối thủy mặc của ông rất được các thiền sư thời ấy ưa chuộng và mô phỏng theo.

của Nho là gì? Căn cội của Đạo là gì? Căn cội của Phật là gì? Rễ trồng vững, sẽ có thể nảy mầm, tăng trưởng mạnh mẽ, trưởng thành, đơm hoa, kết quả.

Hiện thời như thế nào? Không có rễ! Quý vị hằng ngày nghiên cứu Nho, Thích, Đạo, giống như hoa cắm trong bình chẳng có rễ, chết ngắc, chẳng sống; vì thế, biến thành học thuật, vô dụng! Làm thế nào để có thể giải quyết vấn đề? Ông Thang Ân Tử nói chẳng sai, chúng ta phải tìm ra căn cơ của Nho, Thích, Đạo, thực hiện từ căn bản. Lời ông ta nói là thật, tuyệt đối chẳng giả. Thật sự có thể cứu vớt tình trạng xã hội suy đồi trong thế kỷ hai mươi mốt, mà cũng có thể cứu vớt nguy cơ trên địa cầu. Cội rễ của Nho là Đệ Tử Quy, cội rễ của Đạo là Thái Thượng Cảm Ứng Thiên, cội rễ của Phật là Thập Thiện Nghiệp Đạo, những thứ ấy là trọng yếu! Trước đây học Nho, học Phật, học Đạo đều vun bồi vững vàng những căn cội ấy. Nếu quý vị chẳng vun bồi vững vàng những căn cội ấy, quý vị học gì cũng vô dụng. Cuối cùng, tôi bảo họ:

- Tôi rất phục quý vị, thật đấy, chẳng giả đâu, từ trong đáy lòng mà nói như vậy. Chư vị học tập, Nho học, Đạo học, Phật học. Tại ngoại quốc, người ta chẳng viết chữ hoặc xem chữ từ bên này (bên phải trang giấy). Đối với Nho học, Đạo học, Phật học, chư vị có thể đạt được học vị Tiên Sĩ, có thể làm một vị giáo sư, có thể là một nhà Hán học của châu Âu; nhưng chắc chắn cả đời này quý vị chẳng thể sung sướng, tự tại, tiêu sái như tôi được. Khẳng định là quý vị chẳng thể! Chắc chắn là suốt một đời này, quý vị vẫn sống trong thế giới phiền não này.

Mọi người đều cười. Tôi nói:

- Vì sao? Tôi học tương phản với quý vị. Quý vị hãy nhìn lại, từ đây hãy nghĩ tới quá khứ, học Phật, học Nho, học Đạo khác hẳn! Ý vị khác hẳn! Học Nho phải học giống như Khổng Tử, *“học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ”* (học rồi luyện tập, cũng chẳng sướng sao), vui sướng khôn sánh! Học Phật phải học giống như Thích Ca Mâu Ni Phật, pháp hỷ sung mãn, thường sanh tâm hoan hỷ. Học Đạo phải học giống như Lão Trang, đấy là gì? Trí huệ. Chư vị học hỏi Nho học, Đạo học, đó là tri thức. Tri thức và trí huệ là hai chuyện [khác nhau]. Tri thức giải quyết vấn đề chỉ có thể giải quyết cục bộ, còn mang lại rất nhiều hậu quả. Trí huệ giải quyết vấn đề viên mãn, không để lại hậu quả.

Tôi nói:

- Quý vị hãy khéo học hai chữ ấy, quý vị hãy từ chỗ này mà học Nho. Học Nho và Nho học khác nhau!

Vì thế, giáo sư Mạch Đại Duy (David McMullen) của bọn họ là một nhà Hán học hiện thời, sau khi nghe tôi giảng diễn còn đặc biệt tới Trung Quốc, tới trung tâm Thang Trì để khảo sát, ở nơi đó bốn ngày. Sau khi về nước, lại đến Hương Cảng tìm tôi, nói chuyện với tôi sáu tiếng đồng hồ. Ông ta mời tôi sang Luân Đôn dạy học. Tôi cũng rất cảm ơn ông ta đã coi trọng tôi. [Ông ta mời tôi] sang đại học Kiếm Kiều ở Luân Đôn để lập một học viện Đại Thừa Phật học. Hệ thống giáo dục của Anh quốc tuân theo quy chế học viện<sup>2</sup>, như Ngưu Tân và Kiếm Kiều, nói chung mỗi trường đều có hơn năm mươi học viện. Tôi rất cảm kích ông ta, rất khó có, Kiếm Kiều là trường đại học được xếp hạng thứ ba trên cả thế giới. Tôi cảm ơn ông ta, nói: “Tôi không thể đi”. Ông ta hỏi: “Vì sao?” Tôi nói: “Quy chế trong trường quý vị hạn chế tôi, tôi chẳng thể dạy học sinh được!” Ông ta nói: “Thầy dùng phương pháp nào để dạy?” Tôi đáp: “Tôi không có phương pháp, tổ tiên chúng tôi có phương pháp”. Ông ta nghe như vậy, rất kinh ngạc, ông ta là nhà Hán học, nghe nói tổ tiên chúng ta còn có phương pháp bí mật, cho nên ông ta hết sức kinh ngạc. Ông ta nói: “Phương pháp của tổ tiên ở chỗ nào?” Tôi nói: “Nói thật ra, ông đã từng học qua, nhưng không để ý”. Ông ta nhìn tôi, tôi hỏi: “Đã đọc Tam Tự Kinh hay chưa?” Đọc rồi, ông ta thuộc lòng Tam Tự Kinh, thuộc lòng Luận Ngữ, chẳng đơn giản! Tôi nói: “Tám câu đầu trong Tam Tự Kinh là nguyên tắc chỉ đạo tối cao để giáo hóa chúng sanh của tổ tiên Trung Quốc từ ngàn vạn năm qua!” Ông ta nghe xong, ngỡ ngàng. Tôi nói: “Ông thuộc lòng Tam Tự Kinh, cũng đọc nhuần nhừ rồi. Tôi tin ông đã từng giảng qua, nhưng chưa giảng đến tầng ý nghĩa này”. Ông ta thừa nhận [tôi nói đúng].

Tôi nói:

- Giáo dục con người, đầu tiên quý vị phải khẳng định quan điểm: “*Nhân chi sơ, tánh bản thiện*”, quý vị thật sự giáo dục, nhất định khẳng định con người tánh vốn lành. “*Thiện*” ở đây chẳng phải là thiện trong thiện ác, mà “*thiện*” là

---

<sup>2</sup> Nguyên văn “thư viện” (書院). Đây là chữ dùng để dịch chữ Academy của tiếng Anh. “Thư viện” theo nghĩa nguyên thủy là một cơ cấu giáo dục trong hệ thống quan học (giáo học do chính quyền chỉ đạo), không phải là thư viện (library) như trong tiếng Việt (thư viện theo nghĩa tiếng Việt sẽ được gọi là “đồ thư quán” trong tiếng Hán). Cơ cấu này bắt nguồn từ thời Khai Nguyên nhà Đường. Về sau thư viện trở thành một hệ thống trường chuyên khoa giảng giải theo một trường phái triết học nào đó, như Lý Học thư viện thời Tống chẳng hạn. Khi giáo dục được tổ chức theo khuôn mẫu Tây phương, người Hoa liền dùng ngay chữ Thư Viện để dịch chữ Academy hoặc College trong hệ thống đại học của Anh, hoặc để dịch chữ School trong hệ thống đại học của Mỹ.

từ ngữ ca ngợi, tốt đẹp, viên mãn nhất, chẳng có mảy may khiếm khuyết nào, đó là thiện, chẳng phải là thiện trong thiện ác. Cũng như kinh Hoa Nghiêm đã nói: “*Hết thấy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai*”, người Trung Quốc gọi điều đó là “*bổn thiện*”, phải thừa nhận điều này! Sau đây, quý vị phải tin tưởng: “*Tánh tương cận, tập tương viễn*” (tánh giống như nhau, do huân tập (giáo dục) mà khác biệt), bổn tánh của mỗi cá nhân giống nhau. Phật pháp nói mỗi cá nhân vốn là Phật, còn trong truyền thống Trung Quốc, bổn tánh của mỗi người đều là bổn thiện, đều tương đồng. “*Tập tương viễn*”, vì sao biến thành bất thiện? Do tập tánh. “Tập tánh” tức là nói quý vị bị ô nhiễm bởi hoàn cảnh. Cổ nhân Trung Quốc nói: “*Cận châu tắc xích, cận mặc tắc hắc*” (gần sơn thì đỏ, gần mực thì đen). Nếu quý vị ở cùng thiện nhân, sẽ biến thành thiện nhân. Quý vị ở cùng người ác, sẽ học theo thói xấu, biến thành ác. Đó gọi là “tập tánh”, chẳng phải là bổn tánh. Mục đích của giáo dục là gì? Giáo dục nhằm mục đích khiến cho quý vị từ tập tánh trở về bổn tánh, đây là giáo dục. Giáo dục nhằm biến ác nhân thành thiện nhân, biến người xấu thành người tốt, biến kẻ mê hoặc, điên đảo thành người thông minh, trí huệ, đây là giáo dục. Học trò chẳng thể dạy được, bèn khai trừ nó, đó là giáo dục thất bại, há có lẽ ấy? Học trò chẳng có khuyết điểm, mà do quý vị chẳng khéo dạy, chẳng biết dạy. Cớ sao quý vị dạy chẳng ra gì lại bắt tội học trò? Như vậy là quý vị làm lẫn quá đổi rồi!

Tôi nói với ông ta như thế, ông ta bèn hoảng nhiên đại ngộ. Quý vị thấy tác phẩm ấy, trong các trường tại Luân Đôn, chẳng có ai theo ngành Hán Học chẳng đọc, đó là nguyên tắc chỉ đạo tối cao. Vì thế, “*câu bất giáo, tánh nãi thiên*” (nếu chẳng dạy, tánh sẽ biến đổi), tư tưởng giáo dục phát sanh từ chỗ này, quý vị nhất định phải dạy. Nếu không dạy, kẻ ấy sẽ càng biến đổi tệ hại hơn! Con người do được dạy dỗ mà thành tốt đẹp, mà cũng do được dạy dỗ mà tệ hại hơn. Kẻ khác biến thành xấu xa, quý vị quyết định chẳng thể trách móc hẳn, chính quý vị đã dạy kẻ ấy thành kẻ xấu! Ngày nay do ai dạy? Hiện thời, trẻ nhỏ vừa sanh ra, mở mắt ra đã học, học từ nơi đâu? Học từ TV.

Trẻ hơi lớn lên, tôi chẳng biết ở Trung Quốc [như thế nào], chứ tôi ở Mỹ rất nhiều năm, lớp một Tiểu Học của Mỹ đã dùng điện não (computer), đã xem Internet. Lên Internet chơi gì? Bạo lực, tình dục, giết, trộm, dâm, dối, thầy đều học hết. Vì thế, học trò Tiểu Học đi học bỏ súng trong túi giết bạn học, nó chẳng có ác ý, đùa chơi mà! Từ Internet nó học được điều ấy, thật sự đùa giỡn, giết thầy, giết bạn học, giết giỡn chơi mà! Quý vị làm thế nào đây? Làm sao kết tội con mình? Đây là một vấn đề lớn trong xã hội. Năm xưa, hình như lúc tôi ở

Tân Gia Ba, vào năm 1999, đồng học bên Mỹ gởi cho tôi xem một cuốn tạp chí, trong ấy có bài tường trình tình trạng phạm tội của thanh thiếu niên nước Mỹ, đọc xong, tôi sững sờ! Đã rất lâu chẳng sang Mỹ, tôi liên lạc với bên ấy, đặc biệt vì chuyện này mà sang đó một chuyến. Tôi đến Lạc Sam Cơ (Los Angeles) của Gia Châu (California), nhờ đồng học liên lạc cho tôi, thực hiện hai cuộc phỏng vấn trên đài truyền hình California của Mỹ. Một cuộc phỏng vấn về vấn đề giáo dục, chúng tôi có tất cả bốn người, một người là kiểm sát trưởng (Attorney General) của địa khu Lạc Sam Cơ (Greater Los Angeles), vị này là quan tòa, là một vị lãnh đạo của ngành tư pháp. Một người là thị trưởng thành phố Phách Tát Địch Na (Pasadena), còn một vị là hiệu trưởng phân hiệu Los Angeles của đại học California. Bốn người chúng tôi tham dự một giờ phỏng vấn, tọa đàm trên đài truyền hình. Tôi hỏi vị kiểm sát trưởng: “Tôi đọc báo cáo trên số tạp chí này, đó có phải là thật hay chẳng?” Ông ta bảo tôi: “Thật đấy”. Tôi nói: “Tỷ lệ phạm tội không ngừng tăng lên, quý vị có cách nào không chế, ổn định nó hay không?” Ông ta đáp: “Chẳng có cách nào!” Chính họ cũng biết vấn đề này rất nghiêm trọng. Vì thế, tôi hội kiến Tổng Thống Bô Thập (Bush), tôi cũng bảo ông ta: “Điều đáng lo ngại của Mỹ trọn chẳng phải là ở ngoại quốc”, tôi nói liền khi ấy. Tôi nói: “Đối với thanh thiếu niên thuộc thế hệ kế tiếp, phải làm như thế nào? Có nghĩ tới vấn đề ấy hay không?” Tôi rời nước Mỹ, nghe nói trong khi trò chuyện, ông Bush có nhắc đến vấn đề này, chẳng thể giải quyết! Cuộc phỏng vấn thứ hai dành cho thân sĩ tôn giáo, viện trưởng học viện Cơ Đốc Giáo dẫn theo hai vị giáo sư, kể cả chúng tôi là bốn người, ba người đến từ học viện. Chúng tôi thảo luận vấn đề ấy, tôn giáo giải quyết bằng phương pháp nào? Quan điểm như thế nào? Vấn đề vô cùng nghiêm trọng.

Năm xưa, một hôm, có ba viên chức từ bộ Giáo Dục, hình như một người là bí thư, hai người kia là xứ trưởng<sup>3</sup> đến phỏng vấn tiên sinh Phương Đông Mỹ. Hôm ấy, khéo sao tôi chạm mặt họ tại nhà thầy Phương, họ hỏi thầy Phương một vấn đề: “Hiện thời chánh phủ bắt đầu phục hưng văn hóa Trung Quốc, phải làm sao thì mới có thể thực hiện?” Nêu ra câu hỏi ấy, tôi thấy thầy biểu lộ thái độ vô cùng nghiêm túc, im lặng năm phút, nhìn mọi người, không khí trong phòng khách nhỏ hết sức nghiêm túc. Năm phút sau, thầy nói: “Có!” Mọi người rất chú ý nghe. Điều thứ nhất, tại Đài Loan khi đó có ba đài truyền hình, hãy đóng cửa ba đài truyền hình ấy, lại còn rất nhiều đài phát thanh vô tuyến cũng cần phải đóng cửa, ngưng xuất bản báo chí lẫn tạp chí. Mấy quan

---

3 Xứ trưởng là tiếng gọi chung những công chức cao cấp, thông thường là các trưởng ban, trưởng phòng, hoặc chánh sự vụ trong một bộ hoặc một sở tại Đài Loan.

chức nghe nói đều ngây người: “Thưa thầy! Không thể làm được!” Thầy nói: “Những thứ ấy hằng ngày phá hoại văn hóa Trung Quốc, đã có những thứ ấy thì còn có thể phục hưng [văn hóa truyền thống] hay sao?” Đúng là chẳng sai tí nào! Chúng tôi học tập theo thầy, tiếp nhận sự chỉ dạy của thầy; vì thế, từ đây trở đi, tôi không đọc báo, chẳng xem tạp chí, chẳng nghe radio, chẳng xem TV, gần như là năm mươi năm; vì thế, tâm địa thanh tịnh, không bị ô nhiễm. Những thứ ấy có quyền ô nhiễm quý vị mỗi ngày, nhưng ta có quyền chẳng tiếp nhận. Tôi chẳng thể khuyên người khác đừng tiếp nhận, nhưng chính mình có thể chẳng tiếp nhận. Tôi mỗi ngày đọc kinh điển Đại Thừa, đọc sách vở của cô thánh tiên hiền, vui sướng khôn sánh, chuyện gì tôi cũng không biết, người khác hỏi tôi như thế nào? Thiên hạ thái bình, không có chuyện gì! Quý vị thấy cuộc sống thoải mái lắm, đừng nên tiếp xúc chúng (truyền hình, truyền thanh, báo chí), chẳng có chuyện gì hết! Đức Phật dạy chúng ta, nhất là trong kinh Đại Thừa, dạy chúng ta tu gì? Tu thanh tịnh, bình đẳng, giác. Mỗi ngày gìn giữ sự thanh tịnh, bình đẳng, giác, quyết định đừng nên nhiễm ô, chớ nên dao động, chớ nên vọng động, chớ nên mê hoặc, đây là tốt; vì vậy, phải hiểu điều này. Hiện thời, những phiền toái trong xã hội do đâu mà có? Hiểu rõ ràng, rành rẽ!

Giáo dục của đức Phật tốt đẹp như thế, tổ tiên chúng ta thỉnh về Trung Quốc, quý vị phải biết [sự kiện] lịch sử này! Phật giáo chẳng tự truyền đến, Hán Minh Đế phái đặc sứ sang Tây Vực thỉnh về, do đế vương Trung Quốc thỉnh về, do tổ tiên thỉnh về. Sau khi truyền đến Trung Quốc, người Trung Quốc được tiếp xúc, đôi bên đàm luận đều hoan hỷ khôn sánh, vì sao? Căn bản đồng nhất. Văn hóa truyền thống Trung Quốc có căn bản là hiếu đạo, chớ nên không biết điều này. Căn bản của Phật pháp cũng là hiếu đạo, phù hợp khít khao. Nguyên tắc chỉ đạo giáo học trong Phật pháp là tịnh nghiệp tam phước. Trong Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh, đức Phật đã nói ba điều là nguyên tắc chỉ đạo tối cao. Điều thứ nhất “*hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng giết, tu Thập Thiện nghiệp*”, quý vị thấy hiếu thảo cha mẹ, tôn trọng thầy được đặt hàng đầu, chẳng khác gì [quan niệm văn hóa truyền thống của] Trung Quốc, đặt vững căn cơ tại chỗ này. Tu học Phật pháp có thứ tự từ cạn tới sâu, giống như học hành trong nhà trường, từ Tiểu Học, Trung Học, Đại Học, đến nghiên cứu sinh. Phật pháp cũng giống như vậy, tiến dần dần theo thứ tự. Giáo học trong Phật pháp, nhất định là trước hết học Tiểu Thừa, Tiểu Thừa là Tiểu Học trong Phật pháp; nhưng tại Trung Quốc, từ giữa đời Đường trở đi, chẳng học Tiểu Thừa, dùng Nho và Đạo thay thế, còn thù thắng hơn Tiểu Thừa. Từ giữa đời Đường đến hiện tại là một ngàn bảy trăm năm, xuất hiện bao nhiêu cao nhân, bất luận tại gia hay xuất



gia, trọn chẳng thua kém Ấn Độ, chúng ta vượt lên trước, Phật pháp và văn hóa truyền thống của Trung Quốc dung hợp thành một thể.

Ông Thang Ân Tử cũng từng có nói, ông ta tán thán người Trung Quốc có tâm lượng rất lớn, có thể bao dung văn hóa dị tộc. Phật giáo thuộc về Ấn Độ, chẳng phải là Trung Quốc, nhưng người Trung Quốc có thể bao dung, dung hợp thành một thể, Phật pháp phong phú hóa văn hóa bản địa của Trung Quốc, nói thật hay! Chúng ta dùng kinh điển Đại Thừa để giải thích sách Nho và kinh điển của Đạo gia, Lão Trang, sẽ nâng cao chúng lên giống như Phật pháp vậy! Chúng ta nói con người tánh vốn thiện, nhưng “thiện” ấy rất khó giảng. Nếu hiểu “thiện” là thiện ác thì rất thấp, trình độ rất thấp. Quý vị dùng câu “*hết thấy chúng sanh vốn là Phật*” và “*hết thấy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai*” để giải thích “bổn thiện”, nâng cao ý nghĩa của nó giống như kinh Hoa Nghiêm. Phật pháp đã phong phú hóa văn hóa bản địa của Trung Quốc, phải hiểu đạo lý này! Bởi lẽ, tôn giáo là giáo dục, tôi học nhiều năm như thế, nhận ra những tôn giáo lớn trên cả thế giới, mỗi tôn giáo đều là giáo dục, trong kinh điển của họ đều giảng về luân lý, đạo đức, nhân quả, triết học, khoa học, chỉ là giảng theo mức độ khác biệt, nhưng đều là những thứ tốt đẹp. Đoàn kết tôn giáo có lợi ở chỗ hóa giải xung đột, xúc tiến xã hội an định, thế giới hòa bình. Đặc biệt năm nay tôi tham gia hai lượt hoạt động quốc tế, cuối tháng này, tham gia tại Mã Lai cũng là một hoạt động. Tôi đi tham dự để làm gì? Không có gì khác, chỉ là tuyên truyền giáo dục tôn giáo, mong mỗi mỗi tôn giáo đều trở về giáo dục, tôn giáo bèn có thể phục hưng, mà cũng là giáo dục luân lý, đạo đức, nhân quả [được phục hưng]. Trong ấy có triết học, có khoa học, đó là [giáo dục] dành cho một ít người, còn ba thứ trước (luân lý, đạo đức, nhân quả) là giáo dục phổ cập trong thế gian, phổ cập khắp thế giới, mọi người đều có thể học, học luân lý, đạo đức, nhân quả, cả thế giới sẽ có thể trở về trật tự vô cùng tốt lành. Tất cả những tai nạn trên địa cầu này đều có thể hóa giải, hiện thời các nhà Lượng Tử Học đã chứng thực điều này, chẳng phải là mê tín, mà là có đạo lý. Đối với những điều trọng yếu trong giáo dục truyền thống Trung Quốc và giáo dục tôn giáo của ngoại quốc, làm thế nào để dung hợp giáo dục tôn giáo của ngoại quốc và giáo dục truyền thống của Trung Quốc thành một thể, đây là chuyện phải nên làm của người hiện thời.

Vì thế, ở Úc, tôi có Tịnh Tông Học Viện, khóa trình tại Tịnh Tông Học Viện là Nho, Thích, Đạo. Kể từ tháng này trở đi, chúng tôi tặng thêm Cổ Lan Kinh (Koran) của Y Tư Lan giáo (đạo Hồi), tặng thêm Tân Cựu Ước của Cơ Đốc giáo và Thiên Chúa giáo. Chúng tôi đã hẹn sẵn với một vị trưởng lão Do

Thái giáo, ông ta đã nhận lời, có thể là mùa Xuân năm sau sẽ giảng sáu trăm mười sáu điều giới luật của Do Thái giáo tại học viện chúng ta. Những giới luật ấy thuộc về luân lý, đạo đức, trong ấy cũng có nhân quả. Chúng ta học tinh hoa của các tôn giáo khác nhau, nhằm phong phú thêm truyền thống Nho, Thích, Đạo của chúng ta. Đây là chính xác, chúng ta dẫn đầu thực hiện. Tôi dẫn đầu lần này, những tôn giáo khác sẽ theo bước, vì sao? Nếu họ chẳng tiến theo, sẽ chẳng có cách nào qua lại với chúng ta, nhất định phải tiến theo. Vì thế, đoàn kết tôn giáo dựa trên đâu? Dựa trên học tập kinh điển của lẫn nhau, chúng ta mới thật sự có thể hóa giải mâu thuẫn, hóa giải đối lập giữa các tôn giáo, tự nhiên sẽ chẳng còn xung đột. Mong mỗi dùng giáo dục tôn giáo để dẫn đến an định, hòa bình trên toàn thế giới; đây là chuyện tốt đẹp! Chúng tôi làm chuyện này mấy năm, có lòng tin đối với chuyện này, chúng ta chớ nên tiến hành một cách cục bộ, thực hiện cục bộ tốt đẹp nhưng đại hoàn cảnh bất hảo, có ảnh hưởng quá lớn, chúng ta phải thực hiện trên cả thế giới. Bởi lẽ, đối tượng giáo hóa của mỗi tôn giáo đều là cả thế giới, chẳng cục bộ, quan niệm hoàn toàn tương đồng. Vì vậy, chúng ta nhất định phải có nhận thức rõ ràng về Phật giáo và Phật. Lúc tôi mới học Phật, Chương Gia đại sư dạy tôi: *“Anh muốn học Phật, phải nhận biết Thích Ca Mâu Ni Phật. Anh chẳng nhận biết Ngài, trong tương lai sẽ đi vào đường vòng. Khi đi vào ngõ rẽ, chính anh cũng chẳng biết”*. Bởi lẽ, trong xã hội hiện tại có sáu thứ hình thức tôn giáo bất đồng, chúng ta chớ nên không biết.

Năm ấy, tôi giảng tại Miami, Hoa Kỳ, giảng Nhận Thức Phật Giáo, hiện thời đã in thành sách, đó là bài giảng tại Miami. Thuở ấy, tôi từng giảng trong xã hội có bốn thứ Phật giáo khác nhau, hiện thời có sáu thứ, tức là tăng thêm hai thứ. Thuở ấy, có bốn thứ:

- Loại thứ nhất là Phật giáo của Thích Ca Mâu Ni Phật là giáo dục, tức giáo dục của Phật Đà. Nhất định phải biết: Cả đời Thích Ca Mâu Ni Phật kể từ ngày khai ngộ, Ngài ba mươi tuổi khai ngộ, bảy mươi chín tuổi viên tịch, sau khi khai ngộ bèn dạy học cả đời, chẳng gián đoạn ngày nào. Kinh thường nói: *“Giảng kinh hơn ba trăm hội, thuyết pháp bốn mươi chín năm”*. Hơn ba trăm hội là tổ chức khóa học, nay chúng ta gọi việc đó là tổ chức khóa học, cả đời Ngài tổ chức hơn ba trăm khóa học, giáo học bốn mươi chín năm. Đức Phật giáo học suốt đời, chẳng hề dựng chùa miếu. Dựng chùa miếu là tình hình khi Phật giáo truyền đến Trung Quốc mới dựng chùa miếu; dựng chùa, chớ không nói đến miếu. Tự viện, am đường là đạo tràng giáo học của Phật giáo, những nơi ấy là trường học. Tự viện, am đường là trường học, chẳng phải là [cơ sở] tôn giáo,

day học ở nơi ấy. Trong tự viện hiện thời, vẫn gọi các vị chấp sự (có trách nhiệm quản trị) giống như xưa kia, chẳng hạn Trụ Trì, Phương Trượng, những danh xưng ấy tương đương với Hiệu Trưởng của nhà trường hiện thời, Thủ Tọa hòa thượng tương đương với Chủ Nhiệm Giáo Vụ, hoặc Giáo Vụ Trưởng trong trường đại học; Duy Na tương đương với Huấn Đạo Trưởng. Hiện thời Duy Na làm gì? Cầm dùi gõ chuông [trong khi tụng kinh], chẳng phải vậy! Duy Na là người chủ trì trật tự, trông coi đức hạnh, dạy các lớp về giới luật, là Huấn Đạo Trưởng; Giám Viện là Tổng Vụ Trưởng. Quý vị thấy danh xưng khác nhau, nhưng tánh chất phân công hoàn toàn tương đồng. Bởi lẽ, Phật giáo Trung Quốc theo chế độ tùng lâm, chánh quy hóa giáo học, thời Thích Ca Mâu Ni Phật tại Ấn Độ không có [chế độ này], hoàn toàn là giáo học theo kiểu tư thực, giống như Khổng lão phu tử. Khổng lão phu tử cũng có ba ngàn đệ tử, bảy mươi hai người hiền, tức là có bảy mươi hai người thật sự thành tựu. Thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, chúng ta cũng nên biết Ngài có ba ngàn đệ tử, kinh điển chép về Thường Tùy Chúng, tức là một ngàn hai trăm năm mươi lăm vị chẳng rời Phật, kinh điển thường ghi chép chuyện ấy. Tôi tin rằng khi đức Phật giảng kinh, số người đến tham dự trong những lúc đó chẳng phải chỉ có vậy. Vì thế, đệ tử của Thích Ca Mâu Ni Phật cũng phải là ba ngàn. Suốt đời giáo học, chẳng dính dáng gì đến tôn giáo. Thuở Phật tại thế, hoàn toàn không có những nghi thức tôn giáo!

Cùng nhau lên lớp, nhưng tu hành là mỗi cá nhân [tự thực hiện], đức Phật chẳng dạy người nào tu như thế nào, không có! Chỉ là lên lớp, quý vị có vấn đề nghi nan gì, hướng về đức Phật thỉnh giáo, Ngài sẽ giải đáp. Vì cuộc sống hằng ngày đều là thác bát (khất thực), giữa trưa ăn một bữa, đêm ngủ dưới gốc cây, đó gọi là *“thầy dẫn trò vào cửa, tu hành do cá nhân”*. Thuở đức Thế Tôn tại thế đúng là như vậy, ai nấy đều có thể tự kiểm chế mình. Vì vậy, trong Phật môn không có tổ chức, học trò Thích Ca Mâu Ni Phật đông dường ấy, chẳng chia thành lớp, chẳng mời ai làm trưởng lớp, không có! Nếu có, [kinh điển] sẽ ghi chép, không có! Hoàn toàn là giáo học tư thực. Trong các học trò, có người thành tựu, học rất khá, bèn giúp đỡ những kẻ kém hơn, giống như là trợ giáo của thầy. Có tình hình ấy, nhưng chưa có tổ chức, chẳng lập đạo tràng. Nay chúng ta hãy suy nghĩ vì sao đức Phật chẳng lập đạo tràng? Ngài muốn lập đạo tràng sẽ chẳng khó khăn gì, gia tộc là vương tộc. Khi ấy, vua của mười sáu nước lớn tại Ấn Độ đều là học trò Thích Ca Mâu Ni Phật, quý vị nói xem: Ngài muốn dựng đạo tràng chẳng phải là rất dễ dàng ư? Trong các học trò, có người là quốc vương, trưởng giả, đại thần, cư sĩ giàu có rất nhiều, nhưng đức Phật không cần! Vì sao không cần? Nay chúng ta hiểu rõ, tạo dựng chùa miếu to lớn,

tráng lệ, nguy nga, sẽ có kẻ động lòng, muốn không chế, toan chiếm hữu, chẳng có đạo tâm, “thanh tịnh, bình đẳng, giác” bị phá hoại. Chẳng tạo dựng là có lý, chẳng dựng thì những người theo học đều có đạo tâm, chẳng mong cầu, mới có thể đạt được “không có tiếng tăm, lợi dưỡng”.

Vì thế, ở nơi đây, chúng ta học tập trong đạo tràng nhỏ này, đạo tràng này chẳng phải là của tôi, mà do các cư sĩ ở Hương Cảng tạo dựng, mời tôi đến nơi đây giảng kinh, chẳng phải là đạo tràng của tôi. Tôi không có đạo tràng, nơi nào mời, tôi bèn đến đó, tự tại lắm! Trong nước có những người mời tôi, đưa ảnh chụp những ngôi chùa đã dựng cho tôi xem, cung điện nguy nga, tráng lệ mời tôi đến. Tôi nói: “Tôi không thể đi, vừa nhìn [bèn nói] tôi không thể đi”. Họ hỏi: “Vì sao?” Tôi nói: “Thầy tôi là Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng ở nơi nào to đường ấy, tôi không dám ở”. Tôi nói: “Nếu quý vị thật sự thỉnh tôi đến ở, hãy dựng một tòa nhà nhỏ nhỏ theo lối tứ hợp viện<sup>4</sup>, xềnh xoàng, tặng cho người ta, người ta đều chê, chê quý vị quá quê kệch. Đó là gì? Đó là đạo tràng bình an có thể tu đạo. Xây cất nguy nga, tráng lệ đường ấy, mỗi người đều động tâm muốn chiếm lấy, làm sao quý vị sống an ổn cho được?” Bởi lẽ, Thích Ca Mâu Ni Phật có trí huệ, từ ba ngàn năm trước đã nêu gương cho chúng ta. Nay chúng ta càng nghĩ càng thấy có lý, càng nghĩ thấy càng đúng, vĩnh viễn là tâm an lý đắc, chẳng bị cảnh giới bên ngoài khuấy nhiễu. Chúng ta phải học, học theo Thích Ca Mâu Ni Phật, chớ nên học theo thế tục. Học theo thế tục là xong luôn, quý vị sẽ luân hồi trong lục đạo. Hãy học theo Thích Ca Mâu Ni Phật, có thể làm Phật trong một đời này, tối thiểu là làm Bồ Tát, mới kể như là quý vị tu học có thành tựu. Do vậy, quý vị hãy suy nghĩ xem, nhận thức Thích Ca Mâu Ni Phật quan trọng lắm!

Nếu nói theo cách bây giờ, Thích Ca Mâu Ni Phật mang thân phận gì? Ngài là một nhà giáo dục văn hóa xã hội đa nguyên, Ngài mang thân phận của một người làm nghĩa vụ giáo dục văn hóa xã hội đa nguyên, dạy học chẳng lấy học phí, vô cùng nhiệt tâm dạy dỗ quý vị, chẳng lấy tiền công. Khổng lão phu tử dạy học còn nhận một chút tiền công, còn có một chút học phí tượng trưng, đức Phật không cần, Ngài làm công tác thiện nguyện. Khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác đều nhằm nêu gương cho học trò đời sau, chứ chẳng có gì

---

<sup>4</sup> Tứ hợp viện (còn gọi là Tứ Phòng) là một kiểu xây nhà truyền thống, gồm bốn dãy nhà xây vây kín theo hình chữ Khẩu (口), bao quanh một cái sân ở giữa. Nếu giữa sân không có dãy nhà nào thì gọi là “nhị tấn nhất viện” (hai lớp nhà, một sân), nếu chính sân xây một dãy nhà ngăn sân làm đôi (tức chữ Nhật 日) thì gọi là “tam tấn nhị viện” (ba dãy nhà, hai sân) v.v...

khác! “*Học vi nhân sư, hành vi thế phạm*” (học làm thầy người, hành làm khuôn mẫu cho đời), Ngài đã làm được. Đối với Tứ Đức được giảng trong Tu Hoa Nghiêm Áo Chi, tức bài luận văn của Hiền Thủ quốc sư, tức là tác phẩm Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán, Ngài thật sự làm được. “*Tùy duyên diệu dụng, oai nghi hữu tác, nhu hòa chất trực, đại chúng sanh khổ*” (tùy duyên diệu dụng, oai nghi có chừng mực, nhu hòa, ngay thẳng, chịu khổ thay cho chúng sanh). Trong kinh Phật, chẳng có một câu nào là lời giả, thật sự làm được, lại còn làm viên mãn ngàn ấy. Chúng ta học Phật phải học tập những chỗ này, chẳng có chính mình, chính mình ở chỗ nào? Vũ trụ là chính mình, hết thầy chúng sanh là chính mình. Chúng ta thấy vũ trụ có cùng một thân thể với chúng ta, thấy hết thầy chúng sanh đều là những tế bào trên thân chúng ta, đó là đúng! Thích Ca Mâu Ni Phật xác thực là thấy như thế. Chúng ta không có cách nào tưởng tượng cách nhìn ấy, khi nào quý vị thật sự buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống, minh tâm kiến tánh, quý vị sẽ có cách nhìn giống như Phật, hoàn toàn tương đồng, chân thật, chẳng dối. Vì thế, khẳng định Phật giáo là giáo dục, giáo dục mới là Phật giáo do Thích Ca Mâu Ni Phật truyền lại, là sự giáo dục của Phật Đà.

Nhưng hiện thời Phật giáo lại biến chất, biến thành tôn giáo. Thời gian biến thành tôn giáo chưa lâu! Chúng ta đọc lịch sử, thấy trước thời đại Càn Long, Gia Khánh của nhà Thanh trước kia, Phật giáo vẫn chưa biến chất. Tự viện, am đường mỗi ngày vẫn giảng học, vẫn lên lớp, nghi thức tôn giáo nhiều nhất là công khóa sớm tối, đó là khoa mục chung. Thời gian tụng niệm công khóa sớm tối cũng không dài, đó là gì? Đó là kỷ niệm thầy, mang ý nghĩa niệm niệm chẳng quên ân đức của thầy, chẳng phải là lạy thần, mà là kỷ niệm thầy. Giống như chúng ta học tập ở đây, chúng tôi treo ảnh chụp của thầy ở phía đối diện, chúng ta mỗi ngày học tập ở nơi đây, hướng về thầy khom mình xá do ý nghĩa như sau: Chẳng quên gốc, hiếu thảo cha mẹ, tôn trọng thầy, [đó là] chẳng quên gốc! Nhất định phải hiểu ý nghĩa rõ ràng, chớ nên hiểu lầm! Chẳng phải là lạy thần, chẳng phải là cầu Ngài phù hộ. Lên lớp là tách ra thành từng giảng đường riêng biệt. Vì thế, trong một ngôi chùa, có mấy vị Thủ Tòa Hòa Thượng, đó là “phân tòa giảng kinh”, mỗi người có giảng đường riêng. Quý vị thích học khoa mục nào thì vào giảng đường dành cho khoa mục ấy, theo vị thầy đó. “*Giáo chi đạo, quý dĩ chuyên*” (đường lối giáo hóa chú trọng chuyên nhất), giáo học trong Phật môn không giống giáo học của thế gian. Theo truyền thống, Nho, Thích, Đạo của Trung Quốc gần như đều tuân thủ nguyên tắc sau đây: “*Nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu*” (thâm nhập một môn, huân tu lâu dài). Chú trọng khai ngộ, nhất định phải hiểu Tam Học Giới - Định - Huệ, Giới

là gì? Quy củ! Quý vị nhất định phải giữ quy củ, những gì thầy dạy quý vị chính là quy củ, quý vị phải tuân thủ. Thâm nhập một môn, cho nên trước hết phải vun bồi căn bản.

Vào thời cổ, trên thực tế, đối với ba căn bản Nho, Thích, Đạo, tối thiểu là cha mẹ giúp quý vị vun bồi căn cội Nho và Đạo. Vào thời cổ tại Trung Quốc, giáo dục bắt đầu từ khi nào? Bắt đầu từ lúc mẹ có mang, thai giáo! Vun bồi căn cội rất sâu. Thai giáo có hiệu quả hay không? Hiện thời, ở ngoại quốc, qua thuật thôi miên, phương Tây đã phát hiện con ở trong thai mẹ đã hiểu rất rõ ràng. Mẹ khởi tâm động niệm, ăn uống, cử động, sẽ có cảm ứng rất lớn đối với con. Do vậy, từ thuật thôi miên, họ đã nghĩ cổ nhân Trung Quốc nói thai giáo hết sức có lý, trẻ còn ở trong thai chẳng phải là vô tri. Trẻ nhỏ vừa được sanh ra, cha mẹ là người gần gũi nhất. Phạm những người lớn tiếp xúc với trẻ, ăn nói, cử chỉ đều phải giữ lễ, đoan trang. Vì sao? Cho trẻ thấy, nghe, tiếp xúc, hoàn toàn là những điều hay lẽ phải, những thứ phản diện, bất thiện, chẳng để cho trẻ thấy, nghe, tiếp xúc, nhằm bảo vệ trẻ. Bảo vệ đến ba tuổi tức là một ngàn ngày, một ngàn ngày ấy gọi là “vun bồi cội rễ giáo dục”. Trong ấy, người mẹ là chánh yếu, mẹ thật sự yêu thương con, thật sự là yêu thương chính mình, yêu thương con cái. Đối với một ngàn ngày vun bồi cội rễ ấy, cổ ngôn ngữ Trung Quốc có câu: “*Tam tuế khán bát thập*”, ba năm, tức là vun bồi cội rễ một ngàn ngày trong ba năm, tới tám mươi tuổi cũng chẳng thể biến đổi, cội rễ sâu xa lắm! Cũng có nghĩa là trẻ sẽ chẳng tiêm nhiễm những thứ bất thiện trong xã hội.

Hiện tại, vì sao trẻ nhỏ đều học theo cái xấu? Chẳng vun bồi căn cội, đến ba tuổi mới dạy sẽ chẳng kịp! Trẻ đã học theo thói xấu rồi. Bây giờ [mà nói như vậy] thì ai hiểu? Một trăm năm trước, ai nấy đều hiểu. Sau khi nhà Mãn Thanh vong quốc, xã hội Trung Quốc động loạn, quân phiệt cát cứ, sau đấy, chiến tranh với người Nhật, mãi cho đến hiện nay vẫn chưa có cách nào khôi phục an định. Nhất là trong tám năm kháng chiến, chúng tôi cảm thấy trong tám năm kháng chiến tổn thất lớn nhất, chết nhiều người ngàn ấy, phá hoại sanh mạng, tài sản nhiều ngàn ấy, tôi vẫn cảm thấy là chuyện nhỏ, nhỏ bé không đáng kể, tổn thất lớn nhất là truyền thống văn hóa bị xóa sạch, tổn thất ấy quá lớn. Những thứ truyền thống của Trung Quốc đã duy trì Trung Quốc bao năm như vậy, mấy ngàn năm quốc gia ổn định lâu dài, sau khi chiến tranh nổ ra, mọi người bận bịu đối phó người Nhật, mỗi ngày lo lánh nạn, tôi là kẻ địch thân bị hại nên tôi biết. Sau cuộc chiến, chẳng thể khôi phục lại được, đáng tiếc lắm! Gia tộc của Trung Quốc tuyệt lắm, hiện thời chẳng còn gia tộc, nhà tan, người mất. Chư vị phải hiểu, quý vị đọc sách cổ thấy nói: “*Tề gia, trị quốc, bình thiên*

hạ”, vì sao tề gia, quốc sẽ bình trị? Thời cổ, “gia” là đại gia đình, chẳng phải là tiểu gia đình, một thôn trang là một nhà. Thôn trang kia là Vương thôn, toàn là người một nhà, một nhà mấy trăm người [đều là họ Vương]. Các vị nếu đã đọc Hồng Lô Mộng, [gia đình họ Giả trong] Hồng Lô Mộng là một nhà, [bộ tiểu thuyết ấy] miêu tả một nhà. Gia đình thông thường, nói chung có khoảng ba trăm người, nếu nhân đình hưng vượng sẽ là sáu, bảy trăm người. Gia đình rất suy, chẳng đông lắm, cũng có một hai trăm người, đó là rất suy. Vì họ là đại gia đình nên phải chú ý đến gia đạo, gia quy, gia học, gia nghiệp, có tổ chức, chẳng thể rối loạn chút nào. Hễ loạn thì nhà ấy coi như tiêu rồi!

Đệ Tử Quy là gia quy, là một phần chung cho gia quy [của từng gia tộc, ngoài phần ấy ra] còn có những phần khác nhau, vì sự nghiệp kinh doanh của mỗi gia đình khác nhau, cho nên gia đình nào có gia quy của gia đình nấy. Những điều này đều được chép trong gia phả. Chúng ta mở gia phả ra xem sẽ biết, tổ tông lập ra quy củ. Gia học là tư thực, tức trường học dành cho con em trong gia đình. Vì thế, tại Trung Quốc, vào thời cổ, xã hội giao việc giáo dục, tức giáo dục cơ sở cho gia đình tự phụ trách. Quốc gia không có chuyện này, chẳng lo việc giáo dục, giáo dục là chuyện của bản thân gia đình quý vị. Quý vị nói gia trưởng (chủ gia tộc) lo việc học hành, quá nửa dùng từ đường làm trường học, vì từ đường trừ Xuân Thu tế tự ra, chẳng có hoạt động gì. Vì thế, từ đường là trường học. Quý vị thấy gia trưởng là ông bà nội hoặc ông bà cố, quan tâm đến lớp hậu duệ đời sau ngàn ấy, mời thầy sẽ nhất định mời người thật sự có đạo đức, có học vấn đến dạy, phụ trách. Không giống như trường học hiện thời! Trường học hiện thời đối với quý vị chẳng có mối liên quan nào, dầu quý vị bỏ nhiều tiền trong phong bì đem tặng họ, họ vẫn chẳng quan tâm, chẳng thể mua được lòng yêu thương của họ! Do vậy, tổ tiên thật sự yêu thương con cháu. Quý vị thấy họ mời thầy, gia trưởng, tổ tông của chúng ta dập đầu lạy thầy, vì sao? Tôn sư trọng đạo. Đây là gì? Biểu diễn cho những đứa học trò là con em [của chính họ] xem. Quý vị thấy: Lúc đó, lũ học trò là con em thấy tổ tông, ông nội, cha mẹ trông thấy thầy đều cúi lạy, quý vị có thể nào chẳng tôn kính thầy ư?

Tôi học được lòng tôn kính thầy, lúc khoảng chừng sáu tuổi, vào trường tư. Chúng tôi là gia học, cha tôi dẫn tôi đi học, học trò không đông lắm, khoảng chừng hơn ba mươi người, chưa đến bốn mươi người, lớn nhất là mười mấy tuổi, có những học sinh lớn mười lăm, mười sáu tuổi, học trò nhỏ tuổi giống như tôi là sáu, bảy tuổi, cùng học chung một phòng, một thầy. Ngày nhập học, đầu tiên là ở lễ đường, giữa lễ đường thờ bài vị Đại Thành Chí Thánh Tiên Sư,

tức bài vị của Không lão phu tử, thầy ngồi nơi đó, các đồng học chia ra đứng hai bên. Trước hết, chúng tôi đến lạy bài vị Không Tử, cha tôi ở đằng trước, tôi ở đằng sau, hướng về bài vị Không Tử hành lễ ba lần quỳ, chín lần dập đầu, đây là lễ tiết đời Thanh. Sau khi lạy xong, cha tôi mời thầy ngồi lên ghế, thầy ngồi phía dưới bài vị Không Tử, [cha tôi] hướng về thầy hành lễ ba lần quỳ, chín lần dập đầu. Quý vị nghĩ xem: Thầy tiếp nhận trọng lễ của cha mẹ quý vị như vậy, nếu chẳng dạy học trò đàng hoàng, lễ nào chẳng có lỗi đối với cha mẹ người ta? Trả tiền công cho thầy tùy ý, thầy trọn chẳng đòi hỏi chuyện ấy. Quý vị dư giả thì cấp dưỡng thầy nhiều một chút, nghèo khổ thì châu cấp thầy ít một chút, đạt ý nghĩa là được rồi! Thật sự nghèo túng, mà trò học giỏi, thật sự có thể học, thầy còn bù đắp cho chi dụng trong nhà, chẳng dễ dàng! Thuở ấy, thầy thật sự hữu đạo, thầy thật sự có sư đạo. Hiện thời chẳng có, hiện nay trò chẳng thể dạy, quý vị hơi nghiêm khắc một chút, gia trưởng bèn nói thầy xâm phạm nhân quyền, còn đi thưa lên chánh quyền, thầy còn bị phạt, làm sao dạy được? Vì thế, hiện thời học sinh ở nhà chẳng hiếu thảo với cha mẹ, ở trường chẳng kính trọng thầy. Chẳng kính trọng thầy, chẳng có lòng tôn trọng thầy, thứ gì cũng đều chẳng học được!

Vì thế, hiện thời đâu có thánh hiền làm thầy, nhưng đã không có học trò, tới đâu để tìm được một học trò có lòng tôn kính thầy? Chẳng phải là thầy đòi hỏi học trò phải tôn kính, chẳng phải vậy, ngàn muôn phần chớ nên hiểu lầm! Một phần cung kính được một phần lợi ích, tùy thuộc học trò có thể học được bao nhiêu. Quý vị nhìn từ lòng cung kính của trò đối với thầy và môn học, thiếu tâm cung kính sẽ chẳng học được, chớ nên không hiểu đạo lý này! Trong đời này, tôi có một chút thành tựu là do đã được hưởng lợi ích nào? Hưởng lợi ích nhờ lúc sáu tuổi cha tôi dẫn tôi vào trường, cúi lạy thầy, tôi được hưởng lây [lòng cung kính ấy], suốt đời cũng chẳng thể quên, biết cung kính thầy. Tại Đài Loan, tôi gặp được ba vị thầy, chẳng thân thuộc, chẳng quen biết, nhưng do tâm cung kính, các thầy đặc biệt chiếu cố tôi, đạo lý ở ngay đó. Các Ngài thật sự dạy tôi chẳng đi quanh quẹo, đúng là chẳng đi theo những con đường vòng vèo, thật sự dạy. Người khác thân cận thầy, thầy chẳng nói đến những điều ấy, Ngài dạy tôi phải học theo Thích Ca Mâu Ni Phật. Đối với người khác, tôi thường ở bên cạnh thầy quan sát, thầy chẳng dạy người khác học theo Thích Ca Mâu Ni Phật, vì sao? Người ta không thể học theo Thích Ca Mâu Ni Phật. Chúng tôi nghe lời, nên thầy dạy tôi học theo Thích Ca Mâu Ni Phật. Chúng tôi mới hiểu Thích Ca Mâu Ni Phật suốt đời dạy học, chúng tôi đi theo con đường ấy, đi suốt năm mươi chín năm chẳng thay đổi phương hướng. Trừ giảng kinh, dạy học ra, không có ý niệm thứ hai, tâm bèn thanh tịnh. Tâm thanh tịnh sanh trí



huệ, trí tuệ có thể giải quyết vấn đề của chính mình mà cũng có thể giúp người khác giải quyết vấn đề.

Hiện thời, sau khi tôi đến Úc châu, tham dự hoạt động trong nhà trường. Tôi đến Úc Châu là do bộ trưởng di dân Úc Châu mời tôi đến, cấp cho tôi thẻ thường trú. Thẻ thường trú làm tại Hương Cảng, [ông ta] mong tôi sang Úc giúp Úc đoàn kết tôn giáo, đoàn kết các sắc dân. Vì vậy, sau khi đến Úc, tôi mới biết chánh phủ Úc rất thông minh, họ giao công tác ấy cho trường đại học. Điều này hay lắm, vì đại học sẽ không thiên vị bất cứ tôn giáo nào, mà cũng không thiên vị bất luận sắc dân nào, họ là trung lập. Chấp hành nhiệm vụ ấy là nhà trường, do vậy, tôi tham dự, thực hiện công tác ấy trong nhà trường. Tôi cũng giúp nhà trường thành lập một trung tâm, tức là trung tâm văn hóa đa nguyên, đây là cơ sở hoạt động của chúng tôi. Sau biến cố Mười Một tháng Chín, tôi được nhà trường giao phó đại diện nhà trường, đại diện Úc Châu tham dự hội nghị hòa bình của Liên Hiệp Quốc. Đã nhiều năm như vậy, trước sau tham dự mười mấy lần, có bảy lần trong số ấy do Liên Hiệp Quốc chủ đạo. Do tham dự, phạm vi hoạt động và giao tiếp của tôi lớn hơn, có năm mộng cũng không ngờ tới, đi theo phương hướng quốc tế. Trong mỗi lần hoạt động quốc tế, chúng tôi đều lấy việc tuyên dương văn hóa truyền thống của Trung Quốc làm đề tài trung tâm. Chúng tôi đã được ông Thang Ân Tử khai thị: “*Giải quyết vấn đề trong xã hội hiện tiền, thật sự chỉ có học thuyết Không Mạnh và Đại Thừa Phật pháp*”; vì thế, cực lực đề xướng ba món căn bản. Tại ngoại quốc, tôi còn thêm vào một thứ, tức là giáo dục tôn giáo, ba cội rễ của Nho, Thích, Đạo, cộng thêm giáo dục tôn giáo. Giáo dục tôn giáo nhất định phải là học tập lẫn nhau, hiểu biết lẫn nhau, mới chẳng đến nỗi nảy sanh mâu thuẫn, chẳng đến nỗi nảy sanh đối lập. Cơ sở của sự hòa hài ở chỗ này, căn bản hòa hài ở chỗ này. Nhất định phải làm tốt điều này thì sẽ có thể biến hòa hài xã hội, hòa hài thế giới thành hiện thực, chứ chẳng phải là một điều lý tưởng! Những điều ấy là nguyện vọng chung của tất cả các tôn giáo, mà cũng là mục tiêu giáo học chung cực suốt đời của Thích Ca Mâu Ni Phật lão nhân gia.

Năm 2006, tôi tham gia hoạt động của tổng bộ Văn Hóa Khoa Học Giáo Dục Liên Hiệp Quốc (UNESCO), lần hoạt động ấy là lần quan trọng nhất trong tất cả các hoạt động của chúng tôi, tôi lãnh trách nhiệm tổ chức, chủ trì hoạt động này. Đề mục là kỷ niệm Thích Ca Mâu Ni Phật lần thứ 2.2550<sup>5</sup>, chủ đề là “*công hiến của Phật tử đối với nhân loại*”. Chúng tôi thực hiện rất thành công,

---

5 Ở đây, Hòa Thượng nói lầm, năm 2006 phải là Phật lịch 2550.

báo cáo tỉ mỉ cách giáo học truyền thống của Trung Quốc và thành quả thí nghiệm. Trong bài báo cáo, tôi đề nghị, mong mỗi Liên Hiệp Quốc có thể thành lập một đại học tôn giáo toàn cầu, mỗi tôn giáo có thể thiết lập một học viện, liên kết các tôn giáo trên toàn thế giới, mục tiêu chủ yếu là một thế giới hòa hài. Đề nghị xong, văn tự hãy còn, Liên Hiệp Quốc trọn chẳng thực hiện, không có cách nào thực hiện. Đối với đề nghị này, xưa kia, hình như vào năm 1987, lần đầu tiên trở về nước, gặp gỡ lão cư sĩ Triệu Phác Sơ là đồng hương<sup>6</sup>. Lần gặp mặt ấy, các đồng tu ở Hương Cảng theo tôi cùng đi, chúng tôi có hơn hai mươi người rất náo nhiệt. Tôi nêu ra vấn đề này với cụ Phác Sơ, khi ấy, cụ nghe nói, rất vui vẻ, nhưng tuổi đã lớn quá rồi, đúng là tâm thì có thừa, nhưng chẳng đủ sức. Chuyện này trọng yếu, vẫn thường được nhắc đến, thường xuyên nghĩ tới, mong mỗi có một ngày quốc gia có thể thật sự thành lập một trường học như vậy. Phải nên là hai trường, một trường về các sắc dân, đoàn kết các sắc tộc, trường kia nhằm đoàn kết tôn giáo. Học hiệu văn hóa đa nguyên đoàn kết các sắc tộc. Trung Quốc có năm mươi sáu dân tộc<sup>7</sup>, văn hóa của mỗi dân tộc đều đáng để học tập, học tập lẫn nhau. Trung Quốc có năm tôn giáo, nên có thể lập ra năm học viện. Ngoài năm học viện ra, còn có thể thiết lập học viện quản lý, bồi dưỡng nhân tài hộ pháp, như vậy sẽ rất có lợi cho quốc gia và văn hóa truyền thống. Chúng ta thường nghĩ tới [điều này], tâm tưởng sự thành, rồi sẽ có một ngày thực hiện được. Ngày hôm nay chúng tôi giới thiệu Bồn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, học tập tới đây. Nay đã hết thời gian rồi, cảm ơn mọi người.

---

6 Cụ Triệu Phác Sơ và Hòa Thượng đều là người tỉnh An Huy, cụ Triệu quê ở huyện Thái Hồ, còn Hòa Thượng quê ở huyện Lư Giang.

7 Đây là các dân tộc được chính quyền Hoa Lục công nhận, bao gồm: Hán, Tráng (người Choang), Mãn, Hồi, Miêu (H'mong), Duy Ngô Nhĩ (Uigur), Thổ Gia (Bizika), Di (Nisu), Mông Cổ, Tây Tạng, Bồ Y (Buxqyaix), Đổng (Gaem), Dao, Triều Tiên (Chosen), Bạch (Baipho), Cáp Nê (Haqniq), Cáp Tát Khắc (Kazak), Lê, Thái, Xá, Lật Túc (Lisaw), Ngật Lão (Kláo), Đông Hương (Sarta), Cao Sơn, Lạp Hồ (Lad Hull), Thủy, Ngõa, Nạp Tây, Khương, Thổ, Mộc Lão, Tích Bá, Kha Nhĩ Khắc Tư (Kirgiz), Đạt Oát Nhĩ (Daur), Cảnh Pha, Mao Nam, Tát Lạp (Salar), Bồ Lang (Blang), Tháp Cát Khắc (Tajik), A Xương, Phổ Mễ, Ngạc Ôn Khắc (Evenki), Nộ, Kinh, Cơ Nặc, Đức Ngang, Bảo An, Nga, Dũ Cổ (Yughur), Ô Tư Biệt Khắc (Uzbek), Môn Ba (Monpa), Ngạc Luân Xuân (Oronco, Oroqen), Độc Long, Tháp Tháp Nhĩ (Tatar), Hách Triết (Nanaitr), và Lạc Ba (Lho pa). Đổng nhất là dân Hán (hơn một tỷ) và ít nhất là Lạc Ba (chỉ có 2.965 người). Nếu nói chi tiết thì tại Đài Loan còn có một số các sắc dân thiểu số nữa, ngoài tộc Cao Sơn ra, nhưng chính quyền Hoa Lục không công nhận, như Pangcah Amis, Paiwan, Atayal, Bunun, Rukai v.v...